**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BẢN THÂN KỲ DIỆU CỦA BÉ - TẾT TRUNG THU**
**Thời gian thực hiện 3 tuần: Từ ngày 29/9 đến ngày 17/10/2025**

| TT | Độ tuổi | Mục tiêu | Nội dung | | Hoạt động | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chung | Riêng | | |
| **1. Lĩnh vực phát triển thể chất** | | | | | | |
| ***a) Phát triển vận động*** | | | | | | |
| 1 | 3 | Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn | * 3,4,5T:<br>` Hô hấp: Thổi nơ<br>`Bụng: Nghiêng người sang trái, sang phải,/ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. | ` Tay: Bắt chéo 2 tay trước ngực.<br>`Chân: Bước lên phía trước, sang ngang. | *** HĐ học**<br>` Hô hấp: Thổi nơ<br>` Tay: Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.<br>` Bụng: Nghiêng người sang trái, sang phải,/ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.<br>`Chân: Bước lên phía trước, sang ngang. Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.<br>` Tập các động tác thể dục kết hợp bài hát "Bé khoẻ bé ngoan" | |
| 2 | 4 | Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh | | ` Tay: Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu.<br>` Chân: Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. | | |
| 3 | 5 | Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp | | ` Tay: Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.<br>`Chân: Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. | | |
| 4 | 3 | Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi hết đoạn đường hẹp (3mx0,2m). | ` Đi trong đường hẹp. | | **\* HĐ học:**<br>` Đi trong đường hẹp - Đi trên ghế thể dục (đầu đội túi cát)<br>*** HĐ chơi**<br>` Trò chơi VĐ: Quả bóng nào nẩy | |
| 5 | 4 | Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Bước đi liên tục trên ghế thể dục | ` Đi trên ghế thể dục | | | |
| 6 | 5 | Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Không làm rơi vật trên đầu khi đi trên ghế thể dục. | | | | |
| 13 | 3 | Trẻ có thể thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Trườn theo hướng thẳng, Bật về phía trước. | * 3,4,5 tuổi: | | *** HĐ học:**<br>` Trườn theo hướng thẳng - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm. | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | 4 | Trẻ có thể thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Trườn theo hướng thẳng, bật liên tục về | Bật về phía trước; liên tục về phía trước; liên tục vào vòng<br>* 3,4 tuổi: Trườn theo hướng thẳng | | ` Bật về phía trước,bật liên tục về phía trước, bật liên tục vào vòng<br>**\* HĐ chơi**<br>` TC: Chuyền bóng, Bịt mắt bắt dê.<br>TCM: Chạy tiếp cờ | |
| 15 | 5 | Trẻ có thể thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Trườn kết hợp trèo qua ghế dài, bật liên tục vào vòng. | | ` Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5 x 30cm. | | |
| 16 | 3 | Trẻ có thể thực hiện được các vận động: Quay ngón tay. | ` Quay ngón tay. | | **\* HĐ chơi:**<br>` Chơi với các ngón tay, nặn các loại thực phẩm cần cho bé.<br>` Trò chơi: Bàn tay ai dẻo nhất<br>` Thực hành: Nặn các loại củ, quả, nặn con cá, con cua... | |
| 17 | 4 | Trẻ có thể thực hiện được các vận động: Vê, ấn bàn tay. | ` Vê, ấn bàn tay. | | | |
| 18 | 5 | Trẻ có thể thực hiện được các vận động: Uốn ngón tay và xoay cổ tay. | ` Uốn ngón tay và xoay cổ tay. | | | |
| 19 | 3 | Trẻ có thể phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ được hình tròn theo mẫu; Xếp chồng 8-10 khối không đổ. | * 3,4T<br>` Vẽ ( nguệch ngoạc; hình).<br>* 4,5T<br>` Xâu, buộc dây | ` Xếp chồng các hình khối khác nhau để xếp hình các bạn tập thể dục. | *** HĐ chơi:**<br>- Góc XD: Xây công viên của bé, khu vui chơi, xếp hình bé tập thể dục…<br>- Vẽ bạn trai, bạn gái<br>- Thực hành: Tô đồ chữ cái: a, ă, â; các số 1,2,3,4,5,6<br>*** HĐ lao động:**<br>- Thực hành: Xâu, buộc dây giầy, cài quay dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya) | |
| 20 | 4 | Trẻ có thể phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. Vẽ hình người, buộc dây giầy | | ` Lắp ghép hình để thành hình người. | | |
| 21 | 5 | Trẻ có thể phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.<br>` Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.<br>` Xâu dây giầy, cài quay dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya) | ` Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn<br>` Đồ theo nét chữ cái a,ă,â: số 1,2,3,4,5,6.<br>` Lắp ráp khối để tạo thành hình người. | | | |
| ***b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*** | | | | | | |
| 22 | 3 | Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...). | ` Nhận biết một số thực phẩm (quen thuộc, thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)) | | **\* HĐ chơi:**<br>` Xem tranh ảnh, lô tô Trò chuyện một số thực phẩm, món ăn hàng ngày.<br>` Trò chuyện, quan sát | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 23 | 4 | Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:<br>` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.<br>` Rau, quả chín có nhiều vitamin. | | ` Trò chuyện, quan sát các thực phẩm trên tháp dinh dưỡng<br>` Thăm quan nhà bếp<br>` Thực hành: Nhận biết, phân loại một số thực phẩm theo 4 nhóm.<br>` Chơi nấu ăn, bán hàng về 4 nhóm thực phẩm.<br>*** HĐ ăn**<br>` Giới thiệu tên món ăn và tên nhóm thực phẩm, giá trị dinh dưỡng của các món ăn | |
| 24 | 5 | Trẻ có thể lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:<br>` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...<br>` Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả… | ` Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. | | |
| 28 | 3 | Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | ` Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. | **\* HĐ chơi:**<br>` Xem tranh, ảnh và trò chuyện về các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất.<br>` Trò chuyện, xem tranh ảnh, video tác hại của việc ăn uống không đủ lượng, đủ chất.<br>` Trò chơi: Ai kể nhanh nhất<br>*** HĐ ăn:**<br>` Thực hành: Kể về các bữa ăn trong ngày | |
| 29 | 4 | Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. | | | |
| 30 | 5 | Trẻ biết: Ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh. | | | |
| 31 | 3 | Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Làm quen với cách lau mặt. | ` Làm quen cách/ tập/ tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. | **\* HĐ chơi:**<br>` Trò chuyện về việc vệ sinh cá nhân hằng ngày: Rửa mặt, đánh răng...<br>` Xem tranh ảnh, video cách đánh răng, lau mặt.<br>**\* HĐ vệ sinh:**<br>` Thực hành: Rửa mặt theo quy trình, đánh răng trước khi ăn, sau khi ăn, khi ngủ dậy.<br>` Trò chuyện về ích lợi của việc đánh răng, lau mặt khi ngủ dậy, khi | |
| 32 | 4 | Trẻ có thể thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: Tự đánh răng, lau mặt. | | | |
| 33 | 5 | Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản: Tập luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt. | | | |
| 34 | 3 | ` Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. | | **\* HĐ chơi:**<br>` Trò chuyện xem tranh ảnh cách cầm thìa, cốc | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 35 | 4 | ` Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. | ` Tập/luyện kỹ năng sử dụng đồ dùng ăn uống | *** HĐ ăn:**<br>` Trò chuyện ăn uống văn minh lịch sự: Ăn không để vãi cơm, đổ thức ăn...<br>` Thực hành: Cầm bát, cầm thìa xúc cơm ăn gọn gàng; cầm cốc uống nước. | |
| 36 | 5 | ` Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo | | | |
| 37 | 3 | Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi, không ăn quả dại ở rừng... | ` Tập luyện một số thói quen tốt trong ăn uống về giữ gìn sức khỏe: Uống nước đun sôi, ăn thức ăn nấu chín, không ăn các loại thức ăn ôi thiu, các loại lá, quả dại ở rừng. | **\* HĐ chơi:**<br>` Trò chuyện một số hành vi, thói quen tốt trong ăn, uống<br>` Trò chuyện về tác hại của việc uống nước lã, nước chưa đun sôi kỹ, ăn quà vặt ngoài đường, ăn các loại thức ăn ôi thiu, ăn lá, quả dại ở rừng....<br>` Xem tranh ảnh một số hành vi uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.<br>` Trò chơi: Bé chọn đúng - sai<br>**\* HĐ ăn.**<br>` Trò chuyện một số hành vi ăn uống: Ăn không nói chuyện, không uống nước lã | |
| 38 | 4 | Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: Không uống nước lã, ăn lá quả dại ở rừng… | | | |
| 39 | 5 | Trẻ có một số hành vi và thói quen trong ăn uống: Không uống nước lã, ăn lá, quả dại ở rừng, ăn quà vặt ngoài đường | | | |
| 40 | 3 | Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đi dép, giầy khi đi học. | ` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, đối với sức khỏe con người. | **\*HĐ chơi:**<br>` Trò chuyện, xem tranh ảnh một số hành vi vệ sinh răng miệng, đi dép, giầy khi đi học.<br>` Nghe kể chuyện: Gấu con bị sâu răng<br>` Trò chuyện xem tranh, ảnh một số nguyên nhân bị sâu răng và các phòng tránh<br>` Trò chuyện, xem | |
| 41 | 4 | Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: Vệ sinh răng miệng, đi dép, giầy khi đi học. | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 42 | 5 | Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:<br>` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dạy.<br>` Che miệng khi ho, hắt hơi | | tranh ảnh tác hại của việc không giữ gìn vệ sinh răng, miệng, thân thể...<br>` Trò chuyện về hành vi tốt lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi | |
| 43 | 3 | Trẻ có thể nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bếp đang đun, nồi cơm, nồi canh nóng phích nước nóng...) khi được nhắc nhở | ` Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng con người như bếp đang đun, nồi cơm, nồi canh nóng, phích nước nóng… | **\* HĐ chơi**<br>` Trò chuyện, xem tranh ảnh, tranh cảnh báo nguy hiểm; những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng con người.<br>` Quan sát, đàm thoại về góc tuyên truyền những vật dụng nguy hiểm.<br>` Trò chuyện, xem tranh ảnh về tác hại của việc nghịch vật sắc nhọn, khi đến gần bếp đang đun, chơi gần phíc nước nóng...<br>` Trò chơi: Bé chọn | |
| 44 | 4 | Trẻ có thể nhận ra bếp đang đun, nồi cơm, nồi canh nóng, phích nước nóng...là nguy hiểm đến bản thân không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn. | | | |
| 45 | 5 | Trẻ biết bếp lò đang đun, nồi cơm, nồi canh nóng, phích nước nóng... là nguy hiểm đến bản thân và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc nhọn. | | | |
| 55 | | ` Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng | ` Tập lyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng | *** HĐ vệ sinh**<br>` Thực hành: Chải tóc, buộc tóc, mặc quần áo | |
| **2. Lĩnh vực phát triển nhận thức** | | | | | |
| ***a) Khám khá khoa học*** | | | | | |
| 57 | 3 | Trẻ có thể sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | ` Chức năng của các giác quan và (một số/ các) bộ phận khác của cơ thể.<br>*5T: So sánh sự giống nhau, khác nhau của chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. | **\* HĐ chơi:**<br>` Cơ thể kỳ diệu của bé<br>` Gọi tên chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể<br>` So sánh sự giống và khác nhau của chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.<br>` Trò chơi: Chỉ nhanh nói đúng<br>` Trải nghiệm các giác quan.<br>` Trải nghiệm: In vân tay, soi vân tay và so sánh vân tay với bạn. | |
| 62 | 4 | Trẻ có thể phối hợp các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể: Nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | | | |
| 67 | 5 | Trẻ có thể phối hợp các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể để quan sát, xem xét, thảo luận về đặc điểm của đối tượng. | | | |
| ***b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*** | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 83 | 3 | Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. | * 3, 4,5 T:<br>` Đếm trên đối tượng/đếm trong phạm vi (2; 6) và đếm theo khả năng. | **\* HĐ chơi:**<br>` Góc học tập: Nhận biết số thứ tự trong phạm vi 2, 6, nhận biết số 2,6.<br>` Trò chơi: "Tôi đứng thứ mấy", "về đúng nhà"<br>` Chơi với bảng chun học toán.<br>` Thực hành: So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng<br>` TC: Nhận biết số 2,6 trong dãy số… | |
| 84 | | Trẻ có thể đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 2 | | | |
| 85 | | Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 2 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | | | |
| 86 | 4 | Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?... | | | |
| 87 | | Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 6. | | | |
| 88 | | Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | | | |
| 89 | 5 | Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?... | | | |
| 90 | | Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 6 và đếm theo khả năng. | | | |
| 91 | | Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 6 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. | | | |
| 92 | 4 | Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-2 để chỉ số lượng, số thứ tự. | | | |
| 93 | 5 | Trẻ nhận biết các số từ 5 - 6 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. | | | |
| 94 | 3 | Trẻ biết gộp và đếm 2 đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 2 | ` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm<br>` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn | *** HĐ học**<br>` Tách, gộp nhóm có số lượng 2,6<br>*** HĐ chơi:** | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 95 | 3 | Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2 thành 2 nhóm. | | ` Góc học tập: Thực hành tách, gộp nhóm có số lượng trong phạm vi 2,6<br>` Trò chơi: Ai tách, gôp nhanh hơn. | |
| 96 | 4 | Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 2, đếm và nói kết quả. | | | |
| 97 | | Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn | | | |
| 98 | 5 | Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 và đếm | ` Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm | | |
| 99 | | Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 6 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau. | | | |
| 114 | 3 | Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân. | ` Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. | **\* HĐ học:**<br>` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái).(với một vật nào đó làm chuẩn 5T)<br>*** HĐ chơi:**<br>` Trò chơi: Bạn nào đứng trước; bạn đứng ở đâu<br>` TC: Tay phải tay trái của bé | |
| 115 | 4 | Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | ` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ, với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) (với một vật nào đó làm chuẩn 5T) | | |
| 116 | 5 | Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn. | | | |
| ***C, Khám phá xã hội*** | | | | | |
| 121 | 3 | Trẻ có thể nói được tên, tuổi, giới tính (nam, nữ) của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | ` Tên, tuổi, giới tính (nam, nữ) của bản thân. | **\* HĐ học:**<br>` KPXH: Bé giới thiệu về mình<br>*** HĐ chơi:**<br>` Thực hành: Giới thiệu về bản thân trẻ.<br>` Trò chơi: Tìm bạn<br>` TCM: Giúp cô tìm bạn, cái túi kì lạ | |
| 122 | 4 | Trẻ có thể nói đúng họ và tên, tuổi, giới tính (nam, nữ) của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | ` Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính (nam, nữ), đặc điểm bên ngoài (Béo, gầy, cao, thấp…), sở thích của bản thân | | |
| 123 | 5 | Trẻ có thể nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính (nam, nữ) của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 140 | 3 | Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: ngày tết trung thu qua trò chuyện, tranh ảnh. | `Ngày hội tết trung thu | **\* HĐ học:**<br>` Bé vui đón tết trung thu<br>*** HĐ chơi:**<br>` Trò chuyện về các hoạt động của ngày tết trung thu.<br>` Quan sát đèn ông sao, bánh trung thu…<br>` Trải nghiệm sáng tạo: Làm đèn lồng, bánh trung thu. | |
| 142 | 4 | Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội ngày tết trung thu | ` Đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội tết trung thu | | |
| 144 | 5 | Trẻ biết kể tên một số lễ hội và tết trung thu, nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội ngày tết trung thu. | | | |
| **3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | | | | | |
| 155 | 3 | Trẻ có thể nói rõ các tiếng về bản thân. | ` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; có chứa các âm khó; có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau ) về bản thân, các bộ phận, các giác quan trên cơ thể. | **\* HĐ học:**<br>` Dạy từ mới: tay phải, tay trái, phía trước, Khuôn mặt, đôi mắt, đôi tai,Cái mũi, cái mồm, cái lưỡi...<br>*** HĐ chơi:**<br>` Thực hành: Giới thiệu về bản thân.<br>` Thực hành: Phát âm các từ khó về các giác quan trên cơ thể bé | |
| 156 | | Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ đặc điểm về bản thân. | | | |
| 157 | 4 | Trẻ có thể nói rõ để người nghe có thể hiểu được tên, tuổi, giới tính của bản thân. | | | |
| 158 | | Trẻ có thể sử dụng được các từ chỉ giác quan, các bộ phận trên cơ thể, đặc điểm của bản thân. | | | |
| 159 | 5 | Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về các giác quan, các bộ phận trên cơ thể để người nghe có thể hiểu được. | | | |
| 160 | | Trẻ có thể sử dụng được các từ chỉ giác quan, các bộ phận trên cơ thể, đặc điểm phù hợp với ngữ cảnh. | | | |
| 161 | 3 | Trẻ có khả năng sử dụng được câu đơn về bản thân. | ` Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn ( Câu ghép) về bản thân. | **\* HĐ học:**<br>` Câu: Khuôn mặt bạn gái tròn và rất đẹp. Đôi mắt để nhìn. Tai để nghe, cái mũi là cơ quan hô hấp để thở, để ngửi<br>*** HĐ chơi**<br>` Trò chuyện,đặt câu mới với các bộ phận trên cơ thể bé | |
| 162 | 4 | Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép về bản thân. | | | |
| 163 | 5 | Trẻ có thể dùng được câu đơn, câu ghép về bản thân. | ` Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau | | |
| 167 | 3 | ` Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, trong chủ đề | ` Nghe hiểu nội dung truyện kể " Gấu con | *** HĐ học:**<br>- Thơ: Trăng ơi từ đâu đến | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 168 | 4 | ca dao, đồng dao...trong chủ đề bản thân kỳ diệu của bé. | bị đau răng", truyện đọc " Giấc mơ kỳ lạ"<br>`Nghe các bài hát "Sinh nhật hồng; Nắm tay thân thiết; Thật đáng chê", chiếc đèn ông sao , bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè về chủ đề "bản thân kỳ diệu của bé - Tết trung thu"<br>` Đọc thơ "Trăng ơi từ đâu đến", ca dao, đồng dao "Nhớ ơn", tục ngữ, hò vè về chủ đề "Bản thân kỳ diệu của bé- Tết trung thu" | *** HĐ chơi:**<br>` Đồng dao: Nhớ ơn, Chú cuội...<br>` Nghe đọc chuyện "Giấc mơ kỳ lạ"; " Gấu con bị đau răng"<br>` Nghe các bài hát: Sinh nhật hồng; Nắm tay thân thiết; Thật đáng chê, Chiếc đèn ông sao...<br>` Trò chơi: Giải câu đố về các bộ phận trên cơ thể, ngày tết trung thu…<br>` Góc sách: Xem tranh chuyện:"Giấc mơ kỳ lạ"" Gấu con bị đau răng" | |
| 169 | 5 | Trẻ có thể nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao trong chủ đề bản thân kỳ diệu của bé - Tết trung thu. | | | |
| 170 | | ` Trẻ có thể đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao...trong chủ đề bản thân kỳ diệu của bé - Tết trung thu. | | | |
| 171 | 3 | ` Trẻ có thể kể lại truyện " Gấu con bị đau răng" với sự giúp đỡ của cô giáo | ` Kể lại một vài tình tiết của truyện "Gấu con bị đau răng" đã được nghe. | *** HĐ học:**<br>` Kể truyện: Gấu con bị đau răng<br>**\* HĐ chơi:**<br>` Trò chuyện xem tranh ảnh, nghe kể chuyện: "Gấu con bị đau răng" truyện đọc "Giấc mơ kỳ lạ"<br>` Thực hành: Đóng vai các nhân vật trong truyện. | |
| 172 | 4 | ` Trẻ có thể kể truyện " Gấu con bị đau răng" Có mở đầu và kết thúc | ` Kể lại truyện" Gấu con bị đau răng" đã được nghe (theo trình tự 5T) | | |
| 173 | 5 | ` Trẻ có thể kể lại truyện " Gấu con bị đau răng" Theo một trình tự nhất định | | | |
| 197 | 5 | Trẻ có thể tô, đồ các nét chữ cái a,ă,â. | ` Tập tô, tập đồ các nét chữ cái a,ă,â. | **\* HĐ học:**<br>` LQCC: a,ă,â<br>` Tập tô: a,ă,â.<br>**\* HĐ chơi:**<br>` Thực hành: Tô, xem tranh ảnh có chứa chữ cái a,ă,â<br>` Thực hành: Tạo chữ a,ă,â bằng dây len, dây chun…<br>` Trò chơi: Bé ghép chữ cái a,ă,â | |
| 198 | | Trẻ có thể nhận dạng chữ cái a,ă,â trong bảng chữ cái tiếng việt. | ` Nhận dạng các chữ cái a,ă,â | | |
| ***4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội*** | | | | | |
| 199 | 3 | Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính (nam, nữ) của bản thân. | ` Tên, tuổi, giới tính (nam,nữ) của bản thân | **\* HĐ chơi:**<br>` Trò chuyện về tên, tuổi, giới tính của bản thân<br>` Thực hành: Bé giới thiệu về bản thân.<br>` Trò chơi: Bạn là ai | |
| 200 | 4 | | | | |
| 201 | 5 | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 202 | 3 | Trẻ có thể nói được điều bé thích, không thích. | ` Những điều bé thích, không thích. | **\* HĐ chơi:**<br>` Trò chuyện về những điều trẻ thích, không thích và những việc trẻ có thể làm được, không làm được.<br>` Góc PV: Gia đình, Bác sĩ, nấu ăn, bán hàng<br>` TC: Mình có gì giống bạn<br>` Thực hành so sánh sự giống, khác nhau của mình với người khác: Giới tính,đặc điểm bên ngoài của bản thân trẻ. | |
| 203 | 4 | Trẻ có thể nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. | ` Sở thích, khả năng của bản thân. | | |
| 204 | | Trẻ có thể tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. | | | |
| 205 | 5 | Trẻ có thể nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được. | | | |
| 206 | | Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng). | ` Điểm giống khác nhau của mình với người khác. | | |
| 214 | 3 | Trẻ có thể nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh. | ` Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên/ xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói /tranh ảnh/ âm nhạc | **\*HĐ chơi:**<br>` Trò chơi: Khuôn mặt của bé; tôi vui tôi buồn.<br>` Trò chuyện xem tranh ảnh một số cảm xúc.<br>` Nghe chuyện: Cây táo<br>` Thực hành trải nghiệm một số cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên/ xấu hổ<br>` Trẻ nói về khả năng và sở thích của bạn bè, trẻ thể hiện an ủi, chia vui với bạn bè. | |
| 215 | 4 | Trẻ có thể nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh. | | | |
| 216 | 5 | Trẻ có thể nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. | | | |
| 220 | | Trẻ biết an ủi và chia vui với bạn bè. | ` Mối liên hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. | | |
| 221 | | Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè. | ` Khả năng và sở thích của bạn bè. | | |
| ***5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ*** | | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 262 | 3 | Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc: Sinh nhật hồng; Chiếc đèn ông sao; thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện. | ` Nghe các bài hát, các thể loại âm nhạc khác nhau: Sinh nhật hồng; chiếc đèn ông sao... | | **\* HĐ học:**<br>` Nghe hát: Sinh nhật hồng; Chiếc đèn ông sao...<br>*** HĐ chơi:**<br>` Xem video bài hát: Sinh nhật hồng; chiếc đèn ông sao…<br>` Trò chơi: Ai nhanh nhất. | |
| 263 | 4 | Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc: Sinh nhật hồng; chiếc đèn ông sao, thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện. | ` Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau của bài hát: Sinh nhật hồng; chiếc đèn ông sao... | | | |
| 264 | 5 | Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc: Sinh nhật hồng; chiếc đèn ông sao…; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện. | | ` Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của bài hát: Sinh nhật hồng; chiếc đèn ông sao... | | |
| 265 | 3 | Trẻ biết hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát "mừng sinh nhật" | *** 3,4,5T:**<br>` Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát: Mừng sinh nhật, Rước đèn dưới ánh trăng.<br>**\* 4,5T:**<br>` Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát: mừng sinh nhật, Rước đèn dưới ánh trăng. | | *** HĐ học:**<br>` Hát: Mừng sinh nhật<br>**\* HĐ ăn:**<br>` Hát: Mời bạn ăn | |
| 266 | 4 | Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát "mừng sinh nhật" qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ. | | | | |
| 267 | 5 | Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát "mừng sinh nhật" qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ. | | | | |
| 268 | 3 | Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát (vỗ tay theo phách): Mừng sinh nhật, rước đèn dưới ánh trăng,... | *** 3,4,5T:**<br>` Sử dụng các dụng cụ gõ đệm, VĐTN: Rước đèn dưới ánh trăng... | | **\* HĐ học:**<br>VĐTN: Rước đèn dưới ánh trăng<br>**\* HĐ chơi:**<br>` Góc âm nhạc: Sử dụng các dụng cụ âm nhạc gõ đêm theo phách, nhịp, tiết tấu chậm bài hát: Mời bạn ăn, VĐTN: Rước đèn | |
| 269 | 4 | Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát với các hình thức (vỗ tay theo nhịp); Rước đèn dưới ánh trăng… | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 270 | 5 | Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát với các hình thức (vỗ tay theo tiết tấu chậm): VĐTN: Rước đèn dưới ánh trăng… | *** 4,5T:**<br>` Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu bài hát: VĐTN: Rước đèn dưới ánh trăng | dưới ánh trăng | |
| 271 | 3 | Trẻ có thể sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề "bản thân kỳ diệu của bé- Tết trung thu" theo sự gợi ý. | ` Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các ản phẩm về chủ đề "bản thân kỳ diệu của bé - Tết trung thu" | **\* HĐ chơi:**<br>` Vẽ, nặn đồ chơi tặng bạn.<br>` Xếp hột hạt, giấy lá... để tạo thành bức tranh<br>Làm đèn lồng bằng giấy | |
| 272 | 4 | Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm về chủ đề "Bản thân kỳ diệu của bé - Tết trung thu". | ` Phối hợp/ lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, ( phế liệu) để tạo ra sản phẩm về chủ đề "Bản thân kỳ diệu của bé - Tết trung thu" | | |
| 273 | 5 | Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm về chủ đề "Bản thân kỳ diệu của bé- Tết trung thu". | | | |
| 274 | 3 | Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh "Vẽ một số bộ phận còn thiếu trên khuôn mặt bé" đơn giản. | ` Sử dụng một số kỹ năng/ các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng vẽ một số bộ phận đơn giản trên khuôn mặt bé: Mắt, mũi, tai, miệng, lông mày… | **\* HĐ học:**<br>` Vẽ một số bộ phận còn thiếu trên khuôn mặt bé.<br>*** HĐ chơi:**<br>` Vẽ đồ chơi tặng bạn; vẽ các loại thực phẩm cần cho bé; vẽ bạn trai, bạn gái, trang phục bạn trai, bạn gái | |
| 275 | 4 | Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh "Vẽ một số bộ phận còn thiếu trên khuôn mặt bé" có mầu sắc và bố cục. | | | |
| 276 | 5 | Trẻ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh bức tranh "Vẽ một số bộ phận còn thiếu trên khuôn mặt bé" ...có mầu sắc hài hòa, bố cục cân đối. | | | |
| 277 | 3 | Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán khuôn mặt, xé dán tóc... đơn giản. | ` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra trang phục bạn trai, bạn gái, hình người ...đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ bố cục | **\* HĐ chơi:**<br>` Xé dán khuôn mặt bạn trai, bạn gái. Xé dán tóc, cắt dán trang phục bạn trai, bạn gái...<br>` Xé lá cây, giấy để tạo hình người | |
| 278 | 4 | Trẻ có thể xé, cắt theo đường thẳng, đường cong và dán thành trang phục bạn trai, bạn gái, hình bạn trai, bạn gái có mầu sắc, bố cục. | | | |
| 279 | 5 | Trẻ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh trang phục bạn trai, bạn gái, hình bạn trai, bạn gái có mầu sắc hài hòa, bố cục cân đối. | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 280 | 3 | Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn đất nặn một số thực phẩm nặn hình người tập thể dục… | ` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bố cục | **\* HĐ chơi:**<br>` Nặn một số thực phẩm cần cho bé<br>` Nặn hình người tập thể dục | |
| 281 | 4 | Trẻ biết dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm một số thực phẩm nặn hình người tập thể dục có nhiều chi tiết | | | |
| 282 | 5 | Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm nặn hình người tập thể dục có bố cục cân đối. | | | |
| 283 | 3 | Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các hình người có cấu trúc đơn giản. | ` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra hình người, các bạn tập thể dục đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ bố cục | **\* HĐ chơi:**<br>` Xếp hột hạt, que, nan tre tạo thành hình người, các bạn tập thể dục... | |
| 284 | 4 | Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các bạn tập thể dục có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. | | | |
| 285 | 5 | Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các bạn tập thể dục có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. | | | |

*Ngày 19 tháng 9 năm 2025*

**BGH DUYỆT**

U.B.N.D XÃ THANH NƯA TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON HUA THANH

*Nguyễn Thị Dung*

**NGƯỜI LẬP**

**Mùa Thị Dương**